TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DSST
Ngày: 30/12/2020.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng.
2. Ông Võ Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vủ Thị Diễm My – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐ-DS ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH TMCP SGTT.

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn H – chức vụ giám đốc chi nhánh Hậu Giang, NH TMCP SGTT. Văn bản ủy quyền số 3975/2009/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc NH TMCP SGTT.

Đại diện tham gia tố tụng ông Trần Văn T – chuyên viên quản lý nợ NH

TMCP SGTT. Văn bản ủy quyền số 175/2020/GUQ-CNHG ngày 28/12/2020 của giám đốc NH TMCP SGTT, chi nhánh Hậu Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U, 1971.

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 20/12/2018 nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng số 01194-00070 cho bị đơn vay số tiền vốn 40.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, thời điểm trả nợ 20/6/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 2,2%/tháng, vốn và lãi trả hàng ngày. Hình thức cho vay là vay tín dụng không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay bị đơn cũng đã trả được cho nguyên đơn vốn được 20.111.000 đồng và lãi 1.305.000 đồng. Đến ngày 04/3/2019 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vốn 19.889.000 đồng, lãi trong hạn 3.960.700 đồng, lãi quá hạn 13.622.347 đồng, lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn 606.584 đồng. Tổng 38.078.631 đồng tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 30/12/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn 19.889.000 đồng, lãi trong hạn 3.960.700 đồng, lãi quá hạn 13.622.347 đồng, lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn 606.584 đồng. Tổng 38.078.631 đồng tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 30/12/2020. án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn NH TMCP SGTT khởi kiện bị đơn Nguyễn Thị U yêu cầu trả nợ vay cho Ngân hàng. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị U quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn theo như địa chỉ bị đơn đã cung cấp cho nguyên đơn và ghi trong hợp đồng tín dụng. Nhưng hiện nay bị đơn đã bỏ địa phương đi không rõ đi đâu và không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ mới, trường hợp này bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hợp đồng tín dụng: Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01194-00070 ngày 20/12/2018 bị đơn vay của nguyên đơn số tiền vốn 40.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, thời điểm trả nợ 20/6/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 2,2%/tháng, vốn và lãi trả hàng ngày. Hình thức cho vay là vay tín dụng không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay bị đơn cũng đã trả được cho nguyên đơn tiền vốn 18.111.000 đồng và lãi 1.305.000 đồng. Đến ngày 04/3/2019 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi cho nguyên đơn, ngày 19/11/2020 bị đơn có trả vốn cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng, tổng số tiền vốn bị đơn đã trả cho nguyên đơn 20.111.000 đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến niêm yết thủ tục tố tụng tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú, nhưng bị đơn không đến Tòa án cho lời khai hoặc tham gia tố tụng. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả nợ vay vốn và lãi đến ngày 30/12/2020 số tiền vốn 19.889.000 đồng, lãi trong hạn 3.960.700 đồng, lãi quá hạn 13.622.347 đồng, lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn 606.584 đồng, đối với khoản lãi này nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 8, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, phù hợp với Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-

NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 38.078.631 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39,147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1/ Buộc bị đơn Nguyễn Thị U phải trả cho nguyên đơn NH TMCP SGTT số tiền vay vốn 19.889.000 đồng (mười chín triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng), lãi trong hạn 3.960.700 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn bảy trăm đồng), lãi quá hạn 13.622.347 đồng (mười ba triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng), lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn 606.584 đồng (sáu trăm lẻ sáu ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng). Tổng 38.078.631 đồng (ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi mốt đồng).

1.2/ Bị đơn tiếp tục trả lãi trên nợ gốc (vốn) từ ngày 31/12/2020 đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất tính theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01194-00070 ngày 20/12/2018 tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu 1.903.000 đồng (một triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí 864.000 đồng (tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0004225 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

4/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân